TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 19-10-2023
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Biểu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Từ Vương Việt

Ông Trần Phước Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 27 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ph – sinh năm: 1970, địa chỉ: Khu phố Định Thiền, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N– sinh năm: 1988, địa chỉ: Khu phố Định Tố, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định – vắng mặt lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2023 của bà Bùi Thị Ph, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ph trình bày:

Bà Ph và bà N quen biết qua làm ăn buôn bán lâu năm nên tình cảm chị em thân thiết. Nhiều lúc bà N có nói đang cần tiền để mua bán keo hay để đáo hạng tiền vay tại ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, sau khi đáo hạng xong sẽ làm thủ tục vay lại, rút tiền ra sẽ trả lại cho bà Ph .Vì là chị em thân thiết và thấy bà N làm ăn, buôn bán ổn định nên từ tháng 11/2021 đến tháng 5/2022 bà Ph đã cho bà N mượn tổng số tiền là 340.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*) cụ thể như sau:

Ngày 16/11/2021 bà N mượn bà Ph số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 17/3/2022 bà N mượn bà Ph số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngày 12/4/2022 bà N mượn bà Ph số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 16/5/2022 bà N mượn bà Ph số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 16/5/2022 bà N mượn bà Ph số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Nay bà Bùi Thị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Phượng số tiền gốc là 340.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)*.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt, nhưng tại bản tự khai đề ngày 31/7/2023, bà N trình bày:

Bà xác nhận bà có vay số tiền 340.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)* của bà Bùi Thị Ph, vụ việc xảy ra đúng như bà Ph đã nêu. Nay bà Ph khởi kiện, bà N xác nhận có nợ thì phải trả, nhưng bà N xin trả dần, khi nào có tiền sẽ trả cho bà Ph vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị Ph, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Ph số tiền gốc 340.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)*; Bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn bà Nương cư trú tại huyện Vĩnh Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn bà Ph chấp hành nghiêm túc, riêng bị đơn bà N nhiều lần vắng mặt, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ hợp pháp của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tống đạt trực tiếp, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà N tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà N.

[2]. Về vụ việc tranh chấp:

Vào các ngày 16/11/2021; 17/3/2022; 12/4/2022; 16/5/2022, bà Nguyễn Thị N gặp bà Bùi Thị Ph vay tổng số tiền của bà Ph là 340.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)*. Khi vay tiền, hai bên đều có thỏa thuận thời gian trả, lần đầu bà N hẹn 01 tháng trả; Để làm tin, bà N tự viết 05 "Giấy mượn tiền" và gửi cho bà Ph lưu giữ.

Quá ngày hẹn cho đến nay, bà Ph nhiều lần yêu cầu trả tiền, bà N tuy xác nhận nợ, nhưng lấy nhiều lý do và không trả tiền cho bà Ph.

[3]. Xét yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà số tiền mượn là: 340.000.000 đồng. Yêu cầu này là có cơ sở thực tế (có 05 "Giấy mượn tiền" và sự xác nhận nợ - mượn tiền của bà N) phù hợp với các quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc bà Nguyễn Thị N chấp nhận nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ph nhưng bà N xin trả dần, khi nào có tiền (Không nêu lộ trình số tiền, thời gian trả nợ cụ thể), điều này cho thấy bà N thiếu thiện chí, kéo dài thời gian, nhằm lẫn tránh việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Mặc khác, bà Ph không chấp nhận, nên đề nghị của bà

N không thể thỏa mãn và không được Hội đồng xét xử chấp nhận là có cơ sở thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu của bà Ph được chấp nhận.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Ph số tiền tạm ứng án phí 8.500.000 đồng *(Tám triệu, năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006584 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

[5]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ph đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N.

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Bùi Thị Ph số tiền gốc là: 340.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)*.

- Bác đề nghị của bà Nguyễn Thị N về việc xác nhận nợ và xin trả dần khi có tiền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)* sung ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho bà Bùi Thị Ph số tiền tạm ứng án phí 8.500.000 đồng *(Tám triệu, năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006584 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Biểu